TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T – TP HÀ NỘI** **-----***-----**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **-----***-----**
Số: **262**/2020/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 01 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc " Xin ly hôn", giữa:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị P,** sinh năm 1990

* Bị đơn: **Anh Lê Đức H**, sinh năm 1989

Cùng hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại: Căn hộ 634 – Tòa nhà CT8A KĐT Đ, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị **Nguyễn Thị P,** sinh năm 1990
- Anh **Lê Đức H**, sinh năm 1989

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Đức H cùng thuận tình ly hôn.

***Về con chung**: Chị Nguyễn Thị P và anh Lê Đức H xác nhận có 01 con chung là cháu Lê Minh T (Giới tính nứ), sinh ngày 12/05/2018, sức khỏe bình thường.

Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh chị: Giao cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; Anh H cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)/tháng kể từ khi có Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu T đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

***Về tài sản chung và nhà ở chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về công nợ chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về án phí**: Chị Nguyễn Thị P tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu thay anh H số tiền 150.000 đ đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0006654 ngày 08/6/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Thẩm phán

Nơi nhận **:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.T;
- Chi cục Thi hành án Dân sự H.T;
- UBND xã H, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 13/02/2017);
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

Lê Huyền Thu